

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-6-2024

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mỹ Hương và bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Khưu Huỳnh Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều D - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1981. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Cư trú: Số B N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1973. Vắng mặt

Cư trú: Số B N, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hồ Thị Đ, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Đ và ông Trần Văn S tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân. Đến ngày 01/11/2003 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 865 ngày 01 tháng 11 năm 2003. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, tính tình không hợp nhau, trong thời gian sống chung thường xảy ra bất hoà. Những mâu thuẫn này vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2021

đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông S.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trần Thảo N, sinh ngày 11/3/2002 và Trần Thảo V, sinh ngày 25/12/2008. Hiện nay con chung tên Trần Thảo N đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Trần Thảo V đang sống chung với bà Đ. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thảo V và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Trần Văn S không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hồ Thị Đ tranh chấp về ly hôn với ông Trần Văn S, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trần Văn S có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa, bà Hồ Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà Hồ Thị Đ và ông Trần Văn S.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1.1] Bà Hồ Thị Đ và ông Trần Văn S tự nguyện quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện C,

tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 865 ngày 01 tháng 11 năm 2003. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Hồ Thị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn S. Bà Hồ Thị Đ cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, thường xảy ra bất hoà và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2021 đến nay.

[3.1.2] Hội đồng xét xử xét: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn S không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Đ; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham dự các phiên tòa. Điều này thể hiện ông Trần Văn S không muốn đoàn tụ gia đình. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Hồ Thị Đ và ông Trần Văn S có 02 (hai) con chung tên Trần Thảo N, sinh ngày 11/3/2002 và Trần Thảo V, sinh ngày 25/12/2008. Hiện nay con chung tên Trần Thảo N đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Trần Thảo V đang sống chung với bà Đ. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thảo V và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

[3.2.1] Xét thấy, cháu Trần Thảo V, sinh ngày 25/12/2008 chưa thành niên, hiện đang sống chung với bà Hồ Thị Đ, cháu Trần Thảo V có nguyện vọng được sống chung với bà Hồ Thị Đ và bà Hồ Thị Đ có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thảo V. Ông Trần Văn S không có ý kiến về yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Trần Thảo V, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Thảo V cho bà Hồ Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2.2] Bà Hồ Thị Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông Trần Văn S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Hồ Thị Đ thì bà Hồ Thị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trần Văn S.

[3.2.3] Bà Hồ Thị Đ và ông Trần Văn S có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về cấp dưỡng: Bà Hồ Thị Đ không yêu cầu ông Trần Văn S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hồ Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông Trần Văn S cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị Đ có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Đ. Bà Hồ Thị Đ được ly hôn với ông Trần Văn S.

2/ Về con chung: Bà Hồ Thị Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 25/12/2008.

Bà Hồ Thị Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp ông Trần Văn S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Hồ Thị Đ thì bà Hồ Thị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trần Văn S.

Bà Hồ Thị Đ và ông Trần Văn S có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con.

3/ Về cấp dưỡng: Không xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001911 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà Hồ Thị Đ đã thực hiện xong.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị Đ và ông Trần Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự

nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan